TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/DS-PT
Ngày 15/7/2022
V/v "Tranh chấp quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Khanh.

Các Thẩm phán: Ông Đặng Phi Long và ông Lương Văn Đài.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thu Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Quỳnh Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 03/2022/TLPT-DS ngày 15 tháng 02 năm 2022 về việc *"Tranh chấp quyền sử dụng đất"*

Do Bản án dân sự số 07/202/DS-ST ngày 21/12//2021 của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Lào Cai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2022/QĐ-PT ngày 05/4/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Vũ Anh V và bà Nguyễn Thị N1.

Cùng địa chỉ: Tổ 1, phường P1, thị xã P, tỉnh Lào Cai. (Ông V có mặt, bà N1 vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đàm Văn V.

Địa chỉ: Số nhà 10, ngõ 40, đường V1, phường D, quận G, thành phố Hà Nội. (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Long Xuân T, ông Nguyễn Duy M – Luật sư Công ty Luật TNHH Bạch Long.

Địa chỉ: Số 10, ngõ 40, đường V, phường D, quận G, thành phố Hà Nội. (Ông T vắng mặt, ông M có mặt)

2. Bị đơn: Ông Trần Văn N.

Địa chỉ: Tổ 5, phường R, thị xã P, tỉnh Lào Cai. (Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Vũ T

Địa chỉ: Tổ 5, phường Hàm Rồng, thị xã P, tỉnh Lào Cai. (Có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đào Thị H.

Địa chỉ: Tổ 5, phường R, thị xã P, tỉnh Lào Cai. (Có mặt)

4. Người kháng cáo: Ông Đàm Văn V.

Địa chỉ: Số nhà 10, ngõ 40, đường V, phường D, quận G, thành phố Hà Nội. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai, nguyên đơn ông Vũ Anh V, bà Nguyễn Thị N1 trình bày:

Khoảng năm 2009, ông Vũ Anh V và bà Nguyễn Thị N1 nhận chuyển nhượng quyền sử dụng 90m^2 đất tại tổ 3, thị trấn P, huyện P (nay là tổ 1, phường Phan Si Păng, thị xã P) tỉnh Lào Cai từ vợ chồng ông Trần Trung T1, bà Cao Thị Thu H1. Sau khi nhận chuyển nhượng ông V, bà N1 đã thực hiện việc đăng ký biến động đối với thửa đất nhận chuyển nhượng và trở thành chủ sử dụng hợp pháp của thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H 01066A do Ủy ban nhân dân huyện P (nay là thị xã P) cấp ngày 30/7/2009.

Đến năm 2017, ông Trần Văn N có hành vi chiếm dụng trái phép thửa đất của ông V, bà N1. Ngày 08/12/2017, Ủy ban nhân dân thị trấn P đã xác minh thực địa và tiến hành hòa giải vào ngày 16/12/2017 nhưng không thành. Ông V, bà N1 đã nhiều lần yêu cầu ông N chấm dứt hành vi chiếm dụng thửa đất nêu trên nhưng ông N không đồng ý.

Nhận thấy, việc ông Trần Văn N chiếm dụng trái phép thửa đất của ông V, bà N1 là xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông V, bà N1 nên ông bà đã có đơn đề nghị giải quyết tranh chấp đất đai gửi UBND phường Phan Si Păng, thị xã P đề nghị UBND phường Phan Si Păng giải quyết tranh chấp đất đai nêu trên.

Ngày 20/11/2020 UBND phường P1 đã lập biên bản xác minh nội dung đơn đề nghị của nguyên đơn. Tuy nhiên, do năm 2017 đã tiến hành hòa giải một lần và không thành nên không tiến hành hòa giải và đề nghị ông V gửi hồ sơ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét giải quyết.

Do quyền và lợi ích hợp pháp của ông V, bà N1 bị xâm phạm nên nguyên đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Trần Văn N chấm dứt hành vi chiếm dụng trái phép thửa đất, yêu cầu tháo dỡ tài sản trên đất và bàn giao lại toàn bộ mặt bằng đất tranh chấp cho ông V, bà N1 mà gia đình ông N chiếm dụng.

Theo bản tự khai, bị đơn ông Trần Văn N trình bày:

Năm 1986, gia đình bị đơn có mua đất nương của ông Nguyễn Văn Lợi (hiện ông Lợi đã vào miền nam sinh sống), tự khai phá làm nương và san gạt mảnh đất và dựng một căn nhà 3 gian sinh sống. Do lối vào nhà nhỏ hẹp khó đi

nên gia đình bị đơn đã xin thêm đất của bà H Tường được 2m chiều dài đường đi Suối Hồ để kè, đổ làm đường đi lại và bắc một chiếc cầu gỗ để đi qua suối vào nhà, chiếc cầu gỗ được bắc lên tảng đá to gần giếng nước sinh hoạt của gia đình bị đơn. Hiện giếng nước và tảng đá dưới suối vẫn còn. Do mưa lũ lên chiếc cầu gỗ và đường đi của gia đình bị đơn bị cuốn trôi hai lần nên gia đình ông N phải khắc phục xây cầu bê tông kiên cố lên phía trên và kè lại chống sạt lỡ. Khi làm cầu kiên cố thì gia đình bị đơn đã làm lùi lại về phía đường Điện Biên Phủ 2m để tránh sạt lở. Khi nào có điều kiện sẽ làm cầu nốt 2m ở vị trí cầu gỗ đã bị cuốn trôi. Đến nay nguyên đơn ông Vũ Anh V, bà Nguyễn Thị N1 khởi kiện cho rằng ông Trần Văn N chiếm dụng đất của ông V, bà N1 là không có căn cứ. Bởi đất của ông V, bà N1 nhận chuyển nhượng của bà Cao Thị Thu Hương. Sau khi ông V, bà N1 thực hiện việc đăng ký biến động đối với thửa đất nhận chuyển nhượng có chiều dài theo mặt đường đi Suối Hồ là 18m, chiều sâu là 5m. Như vậy đất nhà ông V, bà N1 được cấp chiều dài mặt đường Suối Hồ tính từ giáp đất nhà bà Huyền (Nay là hộ ông Nguyễn Tuấn Anh) là 18m mặt đường, rồi đến ngõ 5m của gia đình nhà bị đơn.

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của mình, bị đơn đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Anh V, bà Nguyễn Thị N1.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đào Thị H trình bày:

Nhất trí với nội dung trình bày của bị đơn, đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bản án số 07/202/DS-ST ngày 21/12//2021 của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Lào Cai đã quyết định:

Căn cứ khoản 2, 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 164; Điều 223 Bộ luật dân sự 2015; Điều 4; khoản 2 Điều 5; Điều 97; Điều 166; 202 và Điều 203 Luật đất đai 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vũ Anh V và bà Nguyễn Thị N1 về yêu cầu buộc ông Trần Văn N chấm dứt hành vi lấn chiếm trái phép thửa đất của gia đình ông V diện tích đất 21,4 m2 (theo biên bản xem xét thẩm định ngày 06/5/2021) tại tổ 1, phường Phan Si Păng, thị xã P, tỉnh Lào Cai.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí thẩm định, quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án cho các đương sự.

Ngày 29/12/2021, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đàm Văn V kháng cáo toàn bộ Bản án số 07/202/DS-ST ngày 21/12//2021 của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Lào Cai, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn – người kháng cáo đều trình bày về nguồn gốc đất, quá trình quản lý, sử dụng đất của gia

đình ông V, bà N1. Đề nghị Hội đồng xét xử làm rõ nguồn gốc thửa đất 120, tờ bản đồ số 96 và căn cứ vào các quy định của pháp luật xử theo hướng sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không nhất trí với quan điểm của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Hội đồng xét xử, thư ký tòa án đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309; Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/QD/2014 đề nghị Hội đồng xét xử sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 07/202/DS-ST ngày 21/12//2021 của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Lào Cai theo hướng:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Anh V, bà Nguyễn Thị N1 về việc buộc ông Trần Văn N phải trả lại cho ông Vũ Anh V, bà Nguyễn Thị N1 phần diện tích 3,9 m2 thuộc thửa số 40, tờ bản đồ 96 được quy chủ cho ông Vũ Anh V.

2. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Anh V, bà Nguyễn Thị N1 về việc buộc ông Trần Văn N phải trả lại phần diện tích 17,5 m2 thuộc thửa số 120, 121, tờ bản đồ 96.

Xử lý án phí sơ thẩm, án phí phúc thẩm, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ, toàn diện các chứng cứ. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về nguồn gốc đất

Diện tích đất của gia đình nguyên đơn ông Vũ Anh V và bà Nguyễn Thị N1 có nguồn gốc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông Trần Trung Thịnh, bà Cao Thị Thu Hương. Sau khi nhận chuyển nhượng, ông V, bà N1 đã làm thủ tục đăng ký biến động và đã được Ủy ban nhân dân huyện P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 789994 ngày 307/2009, diện tích 90m2, loại đất ở đô thị. Theo sơ đồ thửa đất thể hiện trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất của hộ ông V, bà N1 có chiều dài mặt đường bám theo đường đi Suối Hồ là 18 m (tính từ nhà bà Huyền), chiều sâu 5m.

Diện tích đất của gia đình ông Trần Văn N, bà Đào Thị H có nguồn gốc do ông N mua lại đất nương của ông Nguyễn Văn Lợi. Ông N, bà H đã làm thủ tục và được Ủy ban nhân dân huyện P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X

043878 ngày 05/8/2003, diện tích 120 m2, loại đất thổ cư. Sau khi mua đất, ông N, bà H đã dựng một căn nhà 3 gian. Do lối vào nhà nhỏ hẹp khó đi nên gia đình ông N đã xin thêm 2m chiều dài mặt đường của bà H Tường để kè, đổ làm đường đi lại và bắc một chiếc cầu gỗ để đi qua suối vào nhà. Do mưa lũ lên chiếc cầu gỗ và đường đi bị cuốn trôi nên gia đình ông N đã xây cầu bê tông kiên cố. Vị trí xây cầu bê tông lùi lại về phía đường Điện Biên Phủ 2m so với vị trí cầu gỗ ban đầu.

[2] Xét kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn

Bản án sơ thẩm số 07/202/DS-ST ngày 21/12//2021 của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Lào Cai đã quyết định bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông V, bà N1 về việc buộc ông Trần Văn N phải chấm dứt hành vi lấn chiếm đất của gia đình ông V. Không đồng ý với phán quyết của bản án sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Đàm Văn V đã kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại vụ án theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông V, bà N1.

Tại giai đoạn xét xử sơ thẩm, Tòa án nhân dân thị xã P đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ để xác định diện tích đang tranh chấp giữa gia đình ông V, bà N1 với gia đình ông N, bà H. Nhưng do một số nội dung xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án cấp sơ thẩm chưa cụ thể nên trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai đã có văn bản số 78/2022/CV-TA ngày 08/4/2022 và văn bản số 80/2022/CV-TA ngày 18/4/2022 gửi Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Lào Cai đề nghị cung cấp thông tin hồ sơ địa chính. Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Lào Cai đã có văn bản số 237/VPĐK-CNTTLT ngày 18/4/2022 và văn bản số 289/VPĐK-KTĐC ngày 06/5/2022 trả lời với nội dung: trong 21,4 m2 đất tranh chấp, có 3,9 m2 đất nằm vào thửa 40 (quy chủ cho ông Vũ Anh V); 13,4 m2 nằm vào thửa 120 (quy chủ cho ông Trần Văn N) và có 4,1 m2 nằm vào thửa 121 (không xác định được tên chủ sử dụng), các thửa đất trên thuộc tờ bản đồ số 96.

Sau khi nhận được văn bản trả lời của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Lào Cai, xét thấy cần xác định lại diện tích đất tranh chấp nên ngày 02/6/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ lại. Kết quả thẩm định lại xác định, tổng diện tích đất tranh chấp là 21,4 m2. Sau khi lồng ghép lên bản đồ địa chính năm 2018 của thị trấn P, kết quả cụ thể như sau: Trong tổng số 21,4 m2 đất tranh chấp, có 3,9 m2 trùng vào thửa số 40, tờ bản đồ 96, được quy chủ cho ông Vũ Anh V; Có 13,4 m2 trùng vào thửa số 120, tờ bản đồ 96, được quy chủ cho ông Trần Văn N; Có 4,1 m2 trùng vào thửa số 121, tờ bản đồ 96, chưa được quy chủ. Về tài sản trên đất: hiện trạng đất trống, đang san lấp, không còn tài sản trên đất.

Khoản 4 Điều 3 Luật Đất đai 2013 quy định, bản đồ địa chính là bản đồ thể hiện các thửa đất và các yếu tố địa lý có liên quan, lập theo đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn, được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận. Theo Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ tài nguyên và môi trường thì bản đồ địa chính thể hiện ranh, giới thửa đất, loại đất, số thứ tự và

diện tích thửa đất. Khi xác định ranh giới thửa đất để lập bản đồ địa chính, cán bộ đo đạc phải phối hợp với người sử dụng, quản lý đất để xác định ranh giới, mốc giới trên thực địa. Do đó, bản đồ địa chính là một trong những căn cứ để Nhà nước thực hiện quản lý đất đai, xác định ranh giới thửa đất để giải quyết tranh chấp đất đai.

Do Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Vũ Anh V và ông Trần Văn N đều không có tọa độ nên cơ quan đo đạc không thể dựng hình để xác định vị trí thửa đất trên thực địa. Vì vậy, cần căn cứ vào bản đồ địa chính của thị trấn P đã được cơ quan có thẩm quyền nghiệm thu để xác định diện tích đất được quy chủ cho từng người.

Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai, trong 21,4 m2 đất tranh chấp có 3,9 m2 nằm trong thửa số 40, tờ bản đồ 96 được quy chủ cho ông Vũ Anh V. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Anh V, buộc ông Trần Văn N phải trả lại phần diện tích 3,9 m2, thuộc thửa số 40, tờ bản đồ 96 cho ông V, bà N1. Tại thời điểm xem xét, thẩm định tại chỗ lại (ngày 02/6/2022) hiện trạng đất đã bị san lấp, không còn tài sản trên đất nên không có căn cứ buộc ông Trần Văn N phải tháo dỡ những tài sản trên phần diện tích 3,9 m2 đất nêu trên.

Đối với diện tích 13,4 m2 thuộc thửa số 120 (quy chủ cho ông Trần Văn N) và 4,1 m2 thuộc thửa số 121 - tờ bản đồ 96: do ông V, bà N1 không phải là chủ sử dụng diện tích đất nêu trên nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông bà đối phần diện tích đất này.

Đối với quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử làm rõ nguồn gốc thửa đất 120, tờ bản đồ 96 trong bản đồ địa chính năm 2018. Hội đồng xét xử xét thấy, tại Văn bản số 237/VPĐK-CNTTLT ngày 18/4/2022 và văn bản số 289/VPĐK-KTĐC ngày 06/5/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Lào Cai đã nêu rõ, thửa 120, tờ bản đồ 96 đã được quy chủ cho ông Trần Văn N.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai cũng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Trần Văn N phải trả lại diện tích 3,9 m2 tại thửa số 40, tờ bản đồ 96 và bác một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Trần Văn N phải trả lại diện tích 17,5 m2 tại thửa số 120, 121 tờ bản đồ 96.

Từ những phân tích trên xác định, bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã P xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Anh V, bà Nguyễn Thị N1 là không đúng, cần sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông V, bà N1.

[3] Về án phí và chi phí tố tụng:

Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên ông Vũ Anh V và bà Nguyễn Thị N1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn ông Trần Văn N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên ông Vũ Anh V và bà Nguyễn Thị N1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tại cấp phúc thẩm: do kháng cáo của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên nguyên đơn không phải chịu tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Bị đơn phải chịu tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Tại cấp phúc thẩm, nguyên đơn đã nộp 7.000.000 đồng tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, nên xét thấy cần buộc bị đơn phải hoàn trả cho nguyên đơn số tiền này.

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tại cấp sơ thẩm: Nguyên đơn đã nộp 5.000.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ nhưng tại cấp phúc thẩm, Hội đồng xét xử đã quyết định sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận một phần và bác một phần yêu cầu khởi kiện của ông V, bà N1. Vì vậy, xét thấy cần buộc nguyên đơn và bị đơn mỗi bên phải chịu một nửa tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tại cấp sơ thẩm là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Đàm Văn V. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 07/202/DS-ST ngày 21/12//2021 của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Lào Cai như sau:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Anh V, bà Nguyễn Thị N1. Buộc ông Trần Văn N, bà Đào Thị H phải trả lại cho ông Vũ Anh V, bà Nguyễn Thị N1 phần diện tích 3,9 m2 thuộc thửa số 40, tờ bản đồ 96 đã được quy chủ cho ông Vũ Anh V tại tổ 1, phường Phan Si Păng, thị xã P, tỉnh Lào Cai, có tứ cận như sau:

- Phía Bắc giáp thửa 40, tờ bản đồ 96, được quy chủ trên bản đồ địa chính cho ông Vũ Anh V, chiều dài cạnh xác định là 8,29 m;

- Phía Đông giáp thửa 40, tờ bản đồ 96, được quy chủ trên bản đồ địa chính cho ông Vũ Anh V, chiều dài cạnh xác định là 0,23 m;

- Phía Nam giáp thửa 120, tờ bản đồ 96, được quy chủ trên bản đồ địa chính cho ông Trần Văn N, chiều dài cạnh xác định là 8,37 m;

- Phía Tây giáp đường đi Suối Hồ, chiều dài cạnh xác định là 0,31 m.

(Diện tích đất cụ thể được xác định theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 02/6/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai)

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Anh V, bà Nguyễn Thị N1 về việc:

- Buộc ông Trần Văn N phải trả lại phần diện tích 17,5 m2 thuộc thửa số 120, 121, tờ bản đồ 96 tại tổ 1, phường Phan Si Păng, thị xã P, tỉnh Lào Cai cho ông Vũ Anh V, bà Nguyễn Thị N1.

- Buộc ông Trần Văn N phải tháo dỡ các tài sản trên diện tích đất tranh chấp.

3. Về án phí và chi phí tố tụng: Căn cứ Điều 147, 148, 157 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Vũ Anh V và bà Nguyễn Thị N1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho ông Vũ Anh V, bà Nguyễn Thị N1 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số AC/2012/0000966 ngày 16/12/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã P, tỉnh Lào Cai. Ông Trần Văn N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Vũ Anh V và bà Nguyễn Thị N1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn lại cho ông Vũ Anh V, bà Nguyễn Thị N1 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số 0004922 ngày 11/01/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã P, tỉnh Lào Cai.

- Về chi phí tố tụng:

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tại cấp sơ thẩm: Buộc ông Vũ Anh V, bà Nguyễn Thị N1 phải chịu 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Buộc ông Trần Văn N phải hoàn trả cho ông Vũ Anh V, bà Nguyễn Thị N1 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đã nộp.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tại cấp phúc thẩm: Buộc ông Trần Văn N phải hoàn trả cho ông Vũ Anh V, bà Nguyễn Thị N1 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đã nộp.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND CC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lào Cai (2);
- TAND TX P;
- Chi cục TX P;
- Các đương sự;
- Người đại diện của ĐS;
- Người BVQL;
- Lưu VT, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Văn Khanh